Số: 140/TB-BHXH
Thời gian ký: 23\03\2023 11:28:35 +07:00

DANH SÁCH PHẾ LIỆU THU HỒI TỪ VIỆC PHÁ DỠ NHÀ LÀM VIỆC VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ THUỘC TRỤ SỞ BẢO HIỂM XÃ HỘI SÔNG HINH

(Danh sách kèm theo thông báo số /TB-BHXH ngày /3/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên)

STT	Danh mục tài sản	Kích thước	ĐVT	SL	KL (quy đổi (kg)	SL/KG	Đơn giá (kg)	Thành tiền
I	**Nhà làm việc**							
I.1	**Tầng 1**							
1	Cửa đi (mẹ bồng con) khung gỗ kính, hoa sắt bảo vệ	Cửa đi: 0,85 x 2,7 Khung sắt bảo vệ: 0,85x1,8 Cửa sổ: 1,9x1,9 Khung sắt bảo vệ: 1,9x1,9	m^2	4	Khung thép: 27,96	27.96	9,000	251,640
2	Cửa sổ khung gỗ kính	Cửa sổ: 1,75 x 1,8 Khung sắt bảo vệ: 1,75x1,8	m^2	4	Khung thép bảo vệ: 17,01	17.01	9,000	153,090
3	Cửa đi vệ sinh nhôm kính	0,9x2,2	m^2	3	Khung nhôm: 8,16	8.16	27,000	220,320
4	Vách lam nhôm xoay 02 cánh	0,8x0,8	m^2	1	Khung nhôm: 1,44	1.44	27,000	38,880
5	Cửa sổ vệ sinh khung gỗ kính	0,45x0,65	m^2	4				-
6	Vách ngăn lam nhôm	2,6x5,35	m^2	1	Khung nhôm: 7,40	7.4	27,000	199,800
7	Lan can cầu thang tay vịn gỗ thanh đứng song sắt	14.3	md	1	Khung sắt:17,61	17.61	9,000	158,490
8	Lan can hành lang khung sắt	17.7	md	1	Khung thép:21,80	21.8	9,000	196,200
9	Bóng đèn phòng làm việc	1.2	cái	8				-
10	Bóng đèn phòng vệ sinh	0.6	cái	2				-
11	Bóng đèn ốp trần hành lang	D200	cái	6				-
12	Quạt trần	1.4	cái	4	Sắt : 3	3	9,000	27,000
I.2	**Tầng 2**							-
1	Cửa đi (mẹ bồng con) khung gỗ kính, hoa sắt bảo vệ	Cửa đi: 0,85x2,7 Khung sắt bảo vệ: 0,85x1,8 Cửa sổ: 1,9x1,9 Khung sắt bảo vệ: 1,9x1,9	m^2	4	Khung thép:27,96	27.96	9,000	251,640

2	Cửa sổ khung gỗ kính, hoa sắt bảo vệ	Cửa sổ: 1,75x1,8 Khung sắt bảo vệ: 1,75x1,8	m^2	3	Khung thép bảo vệ: 12,75	12.75	9,000	114,750
3	Cửa đi vệ sinh khôm kính	0,9x2,2	m^2	3	Khung nhôm:8,16 kg	8.16	27,000	220,320
4	Vách lam nhôm xoay 02 cánh	0,8x0,8	m^2	1	Khung nhôm:1,44	1.44	27,000	38,880
5	Cửa sổ vệ sinh khung gỗ kính	0,45x0,65	m^2	4				-
6	Bóng đèn phòng làm việc	1.2	cái	6				-
7	Bóng đèn phòng vệ sinh	0.6	cái	2				-
8	Bóng đèn ốp trần hành lang	D200	cái	5				-
9	Quạt trần	1.4	cái	4	Sắt : 3	3	9,000	27,000
I.3	**Mái**							-
9	Xà gồ gỗ mái	Đã bị mục, gãy nát không xác định						-
10	Mái tôn bị mục rỉ sét	18x7,4	m^2	1	Tôn: 412,92	412.92	8,500	3,509,820
II	**Kho lưu trữ hồ sơ**							-
1	Cửa đi 02 cánh khung nhôm kính	1,2x2,6	m^2	1	Khung nhôm: 5,36	5.36	27,000	144,720
2	Cửa sổ khung gỗ kính, hoa sắt bảo vệ	Cửa sổ: 1,95x2,0 Khung sắt bảo vệ: 1,95x2,0	m^2	1	Khung thép bảo vệ: 5,26	5.26	9,000	47,340
3	Khung kèo thép hộp 20x40	4.2	md	1	Khung thép: 6,46	6.46	9,000	58,140
4	Xà gồ thép mái thép hộp 40x80	7.2	md	5	Khung thép: 55,44	55.44	9,000	498,960
5	Mái tôn	7,2x4,4	m^2	1	Tôn: 68,74	68.74	8,500	584,290
6	Bóng đèn	1,2m	cái	1				-
III	**Nhà để xe ô tô**							-
1	Cửa sắt kéo đài loan	3,95x2,7	m^2	1	Khung nhôm: 5,33	5.33	27,000	143,910
2	Trụ thép D60	2m	cây	3	Thép: 5,88	5.88	9,000	52,920
3	Trụ thép D60	3m	cây	5	Thép: 14,7	14.7	9,000	132,300
4	Khung kèo thép hộp 20x40	7.2	md	1	Khung thép: 11,08	11.08	9,000	99,720
5	Giằng ngang thép hộp 20x40	10.2	md	1	Khung thép:15,70	15.7	9,000	141,300
6	Xà gồ mái thép hộp 40x80	10.2	md	5	Thép: 78,54	78.54	9,000	706,860
7	Mái tôn	10,2x4,4	m^2	1	Tôn:97,38	97.38	8,500	827,730

IV	**Nhà để xe nhân viên + khách**							-
1	Trụ thép D49	3.2	cây	10	Thép: 31,36	31.36	9,000	282,240
2	Khung kèo thép hộp 20x40	3.4	md	5	Khung thép:26,18	26.18	9,000	235,620
3	Xà gồ thép hộp 30x60	10.4	md	5	Khung thép:10,19	10.19	9,000	91,710
4	Mái tôn	10,4x4,0	m^2	1	Tôn:90,27	90.27	8,500	767,295
V	**Cổng – tường rào**							-
1	Cổng chính	4,4x1,5	m^2	1	Khung thép:19,40	19.4	9,000	174,600
2	Cổng phụ	3,45x1,6	m^2	1	Khung thép:16,22	16.22	9,000	145,980
TỔNG CỘNG								**10,543,465**